

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/DS-ST

Ngày 03-5-2019

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hữu Kinh;

Ông Nguyễn Văn Tươi.

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên T

Địa chỉ: Khối H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn X – Giám đốc Công ty, là đại diện theo pháp luật.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số H01/12, K62, đường N, Tổ 13A, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2018 của Công ty TNHH một thành viên T và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/03/2018 ông Nguyễn Tiến H và Công ty TNHH một thành viên T ký Hợp đồng thuê thiết bị số 05/HĐKTVG-HĐ. Theo đó, ông Nguyễn Tiến H có thuê của Công ty TNHH một thành viên T các tài sản và giá thuê, như sau:

STT	Tên tài sản	Số lượng	Đơn giá thuê/ ngày	Thành tiền/ ngày
1	Cây chống giáo nôm 03m	190 cây	280 đồng	53.200 đồng
2	Cây chống giáo nôm 2,5m	60 cây	250 đồng	15.000 đồng
3	Thanh giằng ngang 1,4m	300 cây	140 đồng	42.000 đồng
4	Thanh giằng ngang 1,2m	100 cây	120 đồng	12.000 đồng
5	Kích tăng dài 500mm.	250 cây	200 đồng	50.000 đồng
	TỔNG CỘNG			172.200đ/ ngày

Thời hạn thuê tài sản là 30 ngày, kể từ ngày 28/3 đến ngày 28/4/2018. Khi thuê ông Nguyễn Tiến H có giao cho Công ty TNHH một thành viên T một Giấy chứng minh nhân dân của ông H.

Sau khi ký hợp đồng, ông Nguyễn Tiến H đã nhận đủ tài sản thuê. Nhưng đến hết thời hạn thuê ông H không trả lại tài sản thuê và tiền thuê tài sản cho Công ty TNHH một thành viên T. Tính đến ngày 03/5/2019 thì số ngày thuê tài sản là 402 ngày và số tiền thuê tài sản là 69.224.400đ.

Công ty TNHH một thành viên T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tiến H trả số tiền thuê tài sản là 69.224.400đ. Đối với yêu cầu ông Nguyễn Tiến H trả lại tài sản thuê, Công ty TNHH một thành viên T đã có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến H, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhiều lần triệu tập đến Toà án để làm việc, nhưng ông H không chấp hành Giấy triệu tập. Toà án đã cử cán bộ cùng với đại diện chính quyền địa phương đến nơi cư trú của ông H để làm việc, cấp, tổng đạt nhưng không làm việc được và không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đồng thời gửi thông báo yêu cầu ông H gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng ông H không thực hiện. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của ông Nguyễn Tiến H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn không chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị về giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên T, buộc ông Nguyễn Tiến H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản cho Công ty TNHH một thành viên T từ ngày 28/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tiến H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì vào ngày 27/3/2018, giữa Công ty TNHH một thành viên T và ông Nguyễn Tiến H ký Hợp đồng thuê thiết bị số 05/HĐKTVG-HĐ. Theo đó, ông Nguyễn Tiến H thuê của Công ty TNHH một thành viên T các tài sản và giá thuê tài sản, gồm:

STT	Tên tài sản	Số lượng	Đơn giá thuê/ ngày	Thành tiền/ ngày
1	Cây chống giáo nôm 03m	190 cây	280 đồng	53.200 đồng
2	Cây chống giáo nôm 2,5m	60 cây	250 đồng	15.000 đồng
3	Thanh giằng ngang 1,4m	300 cây	140 đồng	42.000 đồng
4	Thanh giằng ngang 1,2m	100 cây	120 đồng	12.000 đồng
5	Kích tăng dài 500mm.	250 cây	200 đồng	50.000 đồng
	TỔNG CỘNG			172.200đ/ ngày

Thời hạn thuê tài sản là 30 ngày, kể từ ngày 28/3 đến ngày 28/4/2018.

Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Tiến H có ký Hợp đồng thuê thiết bị nêu trên và đã nhận tài sản thuê. Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên T cho rằng từ khi thuê tài sản cho đến nay ông Nguyễn Tiến H không trả lại tài sản đã thuê và không thanh toán tiền thuê tài sản cho Công ty, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tiến H thanh toán tiền thuê tài sản từ thời điểm thuê tài sản đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tính từ ngày thuê tài sản đến ngày 03/5/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) thì số ngày thuê tài sản là 402 ngày và số tiền thuê tài sản là 69.224.400đ (402 ngày x 172.200đ/ ngày). Ông Nguyễn Tiến H không cung cấp chứng gì chứng minh đã trả lại tài sản thuê và thanh toán tiền thuê tài sản cho Công ty TNHH một thành viên T, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH một thành viên T, buộc ông Nguyễn Tiến H thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên T số tiền thuê tài sản là 69.224.400đ.

Đối với yêu cầu ông Nguyễn Tiến H trả lại tài sản thuê, Công ty TNHH một thành viên T đã có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết. HĐXX đình chỉ phần yêu cầu trả lại tài sản thuê của nguyên đơn và đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Khi thuê tài sản, ông Nguyễn Tiến H có giao cho Công ty TNHH một thành viên T một bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 201836660, mang tên Nguyễn Tiến H. Nên buộc Công ty TNHH một thành viên T trả lại cho ông Nguyễn Tiến H Giấy chứng minh nhân dân.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 472, Điều 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên T đối với ông Nguyễn Tiến H về việc yêu cầu thanh toán tiền thuê tài sản.

Buộc ông Nguyễn Tiến H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên T số tiền là 69.224.400đ (sáu mươi chín triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm đồng).

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lại tài sản thuê của Công ty TNHH một thành viên T đối với ông Nguyễn Tiến H, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3/ Công ty TNHH một thành viên T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Tiến H Giấy chứng minh nhân dân số 201836660, cấp ngày 26/9/2017 mang tên Nguyễn Tiến H.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Tiến H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.461.000đ (ba triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng). Công ty TNHH một thành viên T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.189.000đ (một triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001560, ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn ;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh